

MỘT VÀI DẤU ẤN HIỆN ĐẠI HÓA CỦA NGHỀ NƯỚC MẮM THỜI KÌ THUỘC ĐỊA

VÔ PHÚC TOÀN*

1. Vấn đề hiện đại hóa kinh tế của người Việt thời kì thuộc địa

Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình thuộc địa hóa Việt Nam. Sự kiện này không chỉ có sức tác động về mặt chính trị và quân sự mà còn tác động toàn diện đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở Việt Nam. Ở khía cạnh kinh tế, để tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa, người Pháp cần phải mở cửa nền kinh tế Việt Nam cho giới tư bản Pháp vào kinh doanh, mở đường cho mô hình kinh tế tư bản chủ nghĩa du nhập vào Việt Nam. Bên cạnh các tác động tiêu cực, sự du nhập này ít nhiều đã tác động mạnh đến sinh hoạt kinh tế của người Việt.

Trước khi phương thức sản xuất tư bản được du nhập, sinh hoạt kinh tế của người Việt vẫn duy trì theo lối sản xuất truyền thống. Trong thủ công nghiệp, dù quá trình chuyên môn hóa lao động đã diễn ra nhưng quy mô sản xuất vẫn duy trì theo mô hình kinh tế gia đình. Một đặc trưng dễ nhận thấy của mô hình này là việc giữ gìn các bí quyết nghề nghiệp trong phạm vi gia tộc, không tiết lộ ra bên ngoài. Tính chất hộ gia đình này cũng khiến cho nền thủ công nghiệp ở Việt Nam không thể tiến lên

thành các phường hội sản xuất lớn. Các cải tiến về mặt kỹ thuật dù có diễn ra cũng hết sức hạn chế, không tạo đột biến lớn về năng suất lao động và làm thay đổi lối sản xuất nhỏ. Đến đầu thế kỷ XX, lối sản xuất này được Pierre Gourou mô tả như sau:

“Tóm lại, đó là một nền công nghiệp nông dân, nông dân vì tất cả những người thợ thủ công trước hết và trên hết đều là nông dân, họ sẽ chỉ canh tác nông nghiệp nếu ruộng đất của họ có đủ, nông dân còn ở chỗ nó chỉ được tiến hành trong làng xã, ở ngay trong gia đình” (1).

Cho nên khi người Pháp mang lối sản xuất công nghiệp của mô hình tư bản chủ nghĩa vào Việt Nam đã có tác động mạnh đến sinh hoạt kinh tế của người Việt. Từ đầu thế kỷ XX, dưới ảnh hưởng của các cuộc vận động Duy Tân, Minh Tân, nhiều lời kêu gọi chú trọng vào kỹ nghệ đã xuất hiện thường xuyên và liên tục trên các diễn đàn, sinh hoạt của giới trí thức, doanh nhân bản xứ. *Văn minh Tân học sách* của trường Đông Kinh Nghĩa thực đã đề cập đến vấn đề này như sau:

“Công nghệ rất quan hệ với quốc gia. Ta không hơn người thì người sẽ bỏ rơi ta. Tiền của phung phí ra ngoài nước không còn gì tệ hại hơn thế nữa! Tưởng nên đón thầy

*ThS. Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

nhánh trí khôn để cho vào học, rồi triều đình thời thường săn sóc mà dạy dỗ họ. Lại hạ lệnh khắp nước hễ ai học được kiểu mới, chế được đồ mới, thì theo lối Âu châu cấp cho bằng khen làm lưu chiểu, thưởng cho phẩm hàm để ngợi khen họ, cấp cho lương bổng khen thưởng họ, cho giữ quyền sáng tạo để bảo vệ quyền lợi của họ" (2).

Không chỉ trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, hoạt động thương mại của người Việt càng chịu sự sức ép lớn hơn khi chịu sự cạnh tranh từ Hoa kiều, Ấn kiều. Khi tổ chức khai thác thuộc địa, người Pháp đã tạo điều kiện cho người Hoa và người Ấn đến làm ăn lâu dài ở Đông Dương. Ấn kiều từ Pondicherry và Karikal di dân đến Nam kì làm ăn họ có thể là người Pháp gốc Ấn hoặc người Anh gốc Ấn. Số lượng người Ấn ở Nam Kì đỉnh điểm lên đến 7.000 người (0,2% dân số) trong thập niên 1920. Những thương nhân Sindi người Ấn thường hoạt động trong ngành dệt may. Còn người Ấn Hindu thì có khoảng 300 người làm trong lĩnh vực cho vay tín dụng (người Chà chettys) hay nhân viên ngân hàng trong thập niên 1930 (3). Còn Hoa kiều từ Trung Quốc và các nước Đông Nam Á cũng được hưởng nhiều ưu đãi trong việc nhập cư, được tạo điều kiện tự do kinh doanh ở Đông Dương. Hiệp ước thương mại Bắc Kì giữa Pháp và Trung Quốc ngày 25-4-1886 đã tạo điều kiện cho Hoa kiều đến làm ăn, buôn bán, xây nhà, kho bãi trong toàn lãnh thổ Việt Nam. Họ nhận được sự bảo hộ của chính quyền Đông Dương về các quyền tư hữu, thân nhân, hàng hóa như người châu Âu (4). Với sự mở cửa của Pháp cho Hoa kiều từ Singapore, Malaysia, Hong Kong đến làm ăn và xây dựng nhà máy, thị trường lúa gạo Việt Nam nhanh chóng bị thâm tóm vào tay những Hoa thương quốc tế có tiềm lực tài chính mạnh. Lúa gạo được thu mua và chuyên chở bằng đường thủy về

khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn. Đến năm 1912, nhiều nhà máy xay xát của người Hoa ở Chợ Lớn chiếm lĩnh ngành chế biến gạo xuất khẩu như Vạn Xương Nguyên (Man Cheung Yeun) do Luu Luc (Nam Long) có vốn từ Hong Kong đầu tư; Vạn Ích Nguyên (Ban Aik Guan) của Tạ Mã Điền (Tja Ma Yeng), Tan Ho Seng từ Singapore; Vạn Nguyên (Ban Guan & Co.) của Tạ Mã Điền (5); Vạn Dụ Nguyên và Vạn Thuận An do Tan Ho Seng làm giám đốc; Yee Cheong & Co của Quách Đàm... (6). Có thể nói, hầu hết các ngành kinh tế then chốt ở Đông Dương đã bị giới doanh nhân ngoại kiều thâm tóm, cộng đồng bản xứ hết sức mờ nhạt trong bức tranh kinh tế Việt Nam.

Nhìn chung, việc thâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào Việt Nam theo con đường thực dân đã tác động mạnh đến đời sống kinh tế bản xứ. Tuy nhiên, quá trình này lại giúp các cộng đồng ngoại kiều nhanh chóng chiếm lấy ưu thế trên thương trường. Trong khi đó, người Việt dành phần lớn sự quan tâm cho các hoạt động chống lại sự xâm lược của người Pháp. Một bộ phận khác vẫn còn duy trì các hình thức sinh hoạt kinh tế theo kiểu cũ. Trước thực tế đó, một bộ phận Nho sĩ cấp tiến tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản kêu gọi canh tân, chú trọng vào thực nghiệp, từ bỏ lối học từ chương hủ lậu. Một cuộc vận động canh tân đã làm thay đổi tư duy kinh tế của người Việt theo khuynh hướng hiện đại. Trong bối cảnh này, ngành sản xuất nước mắm lại cho thấy sự tiên phong trong bước đường hiện đại hóa khu vực kinh tế của người Việt thời kì thuộc địa.

2. Sự ra đời của mô hình doanh nghiệp nước mắm của người Việt

Đầu thế kỷ XX, những trí thức Nho học cấp tiến ở Việt Nam đã bắt đầu kêu gọi đổi mới tư duy trong hoạt động kinh tế của người Việt. Năm 1901, tờ *Nông cổ mín đàm*

ở Nam Kỳ ra đời đã đánh tiếng chuông mở đầu cho quá trình vận động này. Lương Khắc Ninh chủ bút của tờ báo đã thể hiện rõ ràng mục tiêu của *Nông cổ mín đàm*:

“Người buôn xú cứ chuyện làm ruộng rẫy, đặng thất cho trời đất. Không thấy ai buôn bán cho cả thể, và cũng không có ai hùn hiệp chung cùng với ai mà làm cho ra cuộc đại thương. Vì sao? ấy là bởi tục quen trong nước, hễ chưa có người bày trước, để vậy thì có lẽ luôn luôn như vậy mà thôi... Bởi vậy cho nên, xin phép nhà nước mà lập nhật báo này đặng luận về kỹ - nghệ và thương cổ, chớ chẳng phải có ý tham lợi bán chữ mà lấy tiền...” (7).

Khởi đầu từ Nam Kỳ nhưng quá trình vận động này diễn ra mạnh mẽ khi những sĩ phu cấp tiến ở Trung Kỳ phát động phong trào Duy Tân. Một làn sóng kêu gọi thay đổi tư duy kinh tế diễn ra khắp Nam, Trung, Bắc. Ngọn cờ Duy Tân ở Trung Kỳ do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp phát động, tấn công vào thành trì của tư tưởng bảo thủ, nặng nề tính phong kiến trong xã hội. Trong số đó, việc kêu gọi thanh niên bỏ lối học từ chương khoa cử mà đi theo con đường thực nghiệp rất được chú trọng:

“Của tiền trong nước ngân nào
Kẻ dư bỏ xó, người quào không ra
Đất bỏ hoang biết là hiếm mấy
Lợi chan chan đều thấy bỏ qua
Đề cho các chú Chà - và
Chia tay lấy bạc mà ta ngồi nhìn
Ngồi nghĩ lại thêm phiền thêm tủi
Hỡi những người trẻ tuổi tài cao!
Bây giờ phải tính làm sao?
Rủ nhau đi học mọi điều văn minh” (8).

Làn gió đổi mới từ Trung Kỳ nhanh chóng lan rộng ra Bắc kỳ và Nam Kỳ. Ở Bắc Kỳ, Đông Kinh Nghĩa thực trở thành nơi

quy tụ những chí sĩ cấp tiến, trí thức yêu nước cổ vũ duy tân, chú trọng thực học. Còn ở Nam Kỳ, phong trào Minh Tân do Trần Chánh Chiếu chủ xướng được sự hưởng ứng lớn của giới công chức, địa chủ, trí thức cấp tiến.

Đáng lưu ý, việc kêu gọi thay đổi mô hình tổ chức kinh tế đã được đặt ra. Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản Pháp đã du nhập vào Việt Nam mô hình tổ chức kinh tế theo hình thức công ty, hội buôn của phương Tây. Trước khi chủ nghĩa tư bản phương Tây được du nhập vào Việt Nam, đại bộ phận nền kinh tế Việt Nam vẫn được tổ chức theo lối sản xuất nhỏ, mang quy mô gia đình của nền sản xuất phong kiến. Hình thức tổ chức kinh doanh này chỉ có thể phù hợp với kiểu tư duy kinh tế tiểu nông, làm ăn nhỏ không thể đi lên sản xuất quy mô lớn. Trong quá trình hoạt động, việc hùn vốn kinh doanh đã có, theo thỏa thuận giữa các bên. Tuy nhiên, các vấn đề về quy định, tổ chức kinh doanh hoặc tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động kinh tế vẫn chưa được đặt ra. Từ nửa cuối thế kỷ XIX, các bi kí ở hội quán người Hoa ở Chợ Lớn đã cho thấy sự xuất hiện của mô hình công ty trong đời sống kinh tế ở Chợ Lớn (9). Người Việt lại thích ứng khá chậm với mô hình tổ chức kinh tế này.

Đến đầu thế kỷ XX, việc kêu gọi thành lập mô hình công ty trong sinh hoạt kinh tế được đưa ra. *Quốc dân độc bản* của Đông Kinh Nghĩa Thực đã nêu tầm quan trọng của việc thành lập công ty đối với người Việt:

“Vả lại, ở vào thời đại thông thương này, không góp được vốn thật lớn thì khó lòng cạnh tranh với các nước. Nhưng trong một nước, làm sao có được vốn lớn như vậy? Phải lập công ty. Chỉ có lập công ty mới tập hợp được những số tiền ít ỏi, phân tán thành hàng nghìn vạn làm vốn, thu được

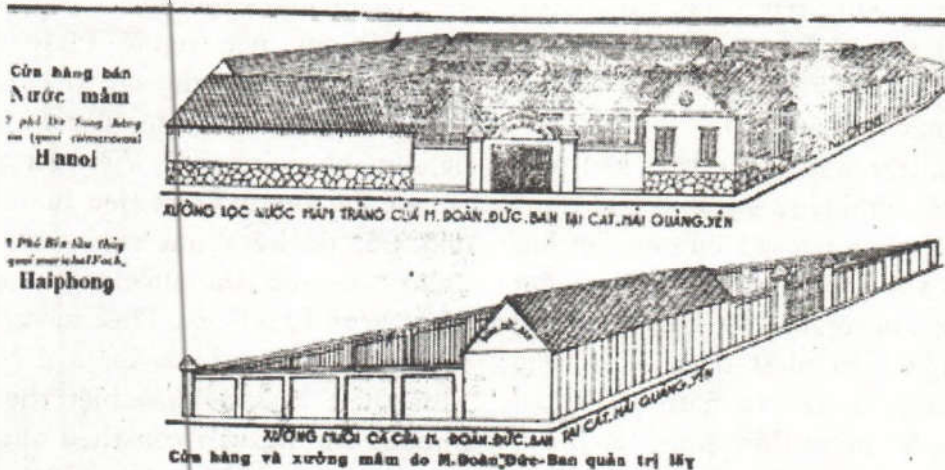
lãi lớn, ứng phó, cạnh tranh trên thương trường được" (10).

Chính trong khung cảnh xã hội đang dần chuyển đổi này, một doanh nghiệp nước mắm người Việt đã ra đời, từng bước đi theo mô hình kinh doanh hiện đại. Năm 1905, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp lên đường vào Nam để khảo sát, tiếp tục cổ vũ Duy tân. Tuy nhiên cuối cùng chỉ có Phan Châu Trinh đến Phan Thiết vận động gia đình hậu duệ Nguyễn Thông và những chí sĩ ở đây tổ chức công cuộc Duy tân. Kết quả vận động đã dẫn đến sự ra đời của Liên Thành thư xã giảng sách báo, phổ biến những tư tưởng mới về dân chủ dân quyền; Liên Thành thương quán do Nguyễn Trọng Lợi đứng đầu và Dục Thanh học hiệu dạy học với theo tinh thần mới. Đây chính là cột mốc khởi đầu cho một thương hiệu hơn trăm năm của người Việt - Nước mắm Liên Thành.

Theo Trần Lệ Chất, Liên Thành là tên cũ của Bình Thuận, trước đây có hồ sen lớn, việc lấy tên Liên Thành để đặt tên cho thương hội mới tỏ cái ý tồn cổ (11). Khi mới

đứng ra tạo lập việc kinh doanh vào năm 1906, nhóm sáng lập Công ty Liên Thành (Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh, Hồ Tá Bang, Trần Lệ Chất, Nguyễn Hiệt Chi, Ngô Văn Nhuận) gặp phải nhiều khó khăn, do tất cả đều chưa làm kinh doanh bao giờ cũng như việc kêu gọi hùn vốn làm ăn trong nghề nước mắm là chưa có tiền lệ. Một ví dụ cho việc khởi sự bằng con số không của những người sáng lập Liên Thành là họ phải nhờ hai thương gia người Hoa ở Phan Thiết là Trương Thái Lợi và Lý Thoại Xuân để chỉ cách làm sổ sách tính toán làm ăn cho công ty. Lúc này, Liên Thành còn kinh doanh nhiều mặt hàng khác nhau như thuốc bắc, sách vở, vải lụa, kinh doanh khách sạn,... Đến năm 1917, Liên Thành tổ chức Đại hội cổ đông để quyết định di dời vào Sài Gòn để được hưởng quy chế thuộc địa ở Nam Kỳ. Sau 36 năm hoạt động từ khi trở thành công ty cổ phần (1917-1943), số vốn của Liên Thành từ 93.200 đồng Đông Dương (1.864 cổ phần) lên đến 133.500 đồng Đông Dương (với 2.670 cổ phần) (12). Việc tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đã giúp cho ban quản

Ảnh 1: Quảng cáo và phác họa xưởng nước mắm Vạn Vân của gia đình Đoàn Đức Ban, Đoàn Vạn Vân trên báo Phong Hóa, số 27, ngày 23-12-1932.



trị Liên Thành kêu gọi vốn từ cộng đồng để lèo lái và phát triển công việc kinh doanh của công ty vượt qua bao thách thức trong thời kì thuộc địa.

Cũng trong lúc này, năm 1916, ngoài Bắc Kỳ, Đoàn Đức Ban ở Hải Phòng thành lập Xưởng Vạn Vân chuyên sản xuất nước mắm (13). Đoàn Đức Ban đã đặt dấu mở đầu cho việc xây dựng thương hiệu riêng cho nước mắm khi nghĩ ra cách đóng chai có dán nhãn hiệu và đi đăng kí với Nha Kinh tế Hải Phòng. Nhờ vậy, nước mắm Vạn Vân được nhận diện tốt, tiêu thụ mạnh giúp cho Đoàn Đức Ban mở rộng cơ sở kinh tế ở Bắc Ninh, Hà Nội (14).

Như vậy, có thể thấy, trong quá trình hiện đại hóa tư duy và sinh hoạt kinh tế của người Việt, ngành nước mắm lại trở thành một trong những lĩnh vực tiên phong cho con đường từ sản xuất truyền thống đi theo quỹ đạo của sản xuất tư bản. Sự ra đời của mô hình công ty trong ngành nước mắm thời thuộc địa đã tạo tiền đề cho ngành nghề truyền thống này có một diện mạo mới. Khuynh hướng hiện đại hóa trong nghề nước mắm diễn ra khá đa dạng từ quá trình sản xuất đến thành lập nghiệp đoàn và chống độc quyền, chống hàng giả. Quá trình này càng được thúc đẩy bởi một thể hệ quản trị doanh nghiệp được đào tạo theo lối Tây học ở trong nước hoặc ở Pháp (15).

Điều đáng lưu ý là trong thời kì thuộc địa, người Việt phải chịu sự cạnh tranh rất lớn của doanh nhân ngoại kiều nên việc lựa chọn đầu tư vào một lĩnh vực thực phẩm truyền thống của người Việt giúp các công ty này có điều kiện phát triển. Theo báo cáo của Viện Pasteur vào năm 1925, nơi sản xuất nước mắm lớn nhất là Bình Thuận, với 40.618.160 lít nước mắm được phân phối, chiếm 7/10 nguồn cung cấp ở thị trường Đông Dương (16). Phú Quốc được xếp thứ hai sau Bình Thuận về sản lượng

nước mắm (17). Cùng với sự phát triển của thị trường nước mắm, các doanh nghiệp người Việt phải đối diện với những sự cạnh tranh không lành mạnh từ giới doanh nhân người Pháp lẫn người Hoa. Những diễn tiến này của ngành nước mắm trong thời thuộc địa không chỉ các doanh nghiệp người Việt đối mặt với áp lực duy trì cơ nghiệp mà còn là vấn đề tự tôn dân tộc trên thương trường.

3. Các khuynh hướng hiện đại hóa trong sản xuất, kinh doanh nghề nước mắm

3.1. Một vài bước tiến trong kỹ thuật sản xuất nước mắm

Nước mắm là một ngành thủ công nghiệp lâu đời của người Việt. Tùy theo vùng miền, các hàm hộ sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để ướp cá biển (hoặc cá đồng) cho ra nước mắm. Xác cá được ướp trong các thùng gỗ lớn, chờ thời gian phân hủy để hình thành dung dịch nước mắm. Đến đầu thế kỷ XX, dù các doanh nghiệp nước mắm được vận hành theo hình thức công ty, hội buôn kiểu mới của phương Tây nhưng kỹ thuật làm nước mắm ít có sự thay đổi. Phương pháp truyền thống vẫn được sử dụng phổ biến.

Là một loại thực phẩm khá phổ biến ở Đông Dương nên người Pháp cũng khá quan tâm đến kỹ nghệ sản xuất nước mắm. Năm 1918, M. E. Rosé, Trưởng phòng thí nghiệm hóa sinh của Viện Pasteur Đông Dương đã công bố một tiểu luận liên quan đến vấn đề kỹ thuật sản xuất và thành phần hóa học của nước mắm sản xuất ở Mũi Né và Phú Quốc. Theo mô tả của Rosé, việc ướp cá làm nước mắm ở Mũi Né và Phú Quốc tuy có khác biệt theo mỗi địa phương nhưng vẫn còn theo phương pháp truyền thống. Nước mắm ở Phú Quốc được sản xuất từ loại cá cơm trong suốt, giàu độ đậm trong khi ở Mũi Né thì làm từ cá nục và cá cơm (18).

Tuy phương pháp truyền thống vẫn được tiếp tục sử dụng rộng rãi, chủ yếu dựa vào hai nguyên liệu quan trọng là cá và muối, ngành nước mắm thời kì thuộc địa dưới tác động của sự du nhập kỹ thuật phương Tây đã có không ít thay đổi trong khâu sản xuất. Sự thay đổi này lại tập trung chủ yếu vào việc kiểm định chất lượng và bảo quản nước mắm trên thị trường.

Năm 1922, khu vực Chợ Cầu Ông Lành (Sài Gòn) xuất hiện nước mắm giả do một số người Hoa làm ra để phá giá thị trường, thu lợi bất chính và làm ảnh hưởng đến hàm hộ người Việt. Chính quyền thuộc địa Pháp một mặt truy đuổi hàng giả, mặt khác cũng bắt đầu siết chặt các quy định về hàm lượng đạm trong nước mắm để chuẩn hóa mặt hàng thực phẩm truyền thống này của người Việt. Viện Pasteur công bố hàm lượng đạm ở nước ngang phải đạt mức tối thiểu là 15gram về sau còn 11 gram, đối với nước nhất phải tối thiểu là 18 gram. Trước yêu cầu này của chính quyền thuộc địa, các nhà lãnh đạo của Liên Thành đã liên hệ với bác sĩ Guiherm của Viện Pasteur Đông Dương hỗ trợ huấn luyện cho công ty một nhân viên hóa học và lập phòng hóa nghiệm phân chất (19). Biến nguy cơ thành cơ hội, Liên Thành đã nhanh chóng liên kết các hàm hộ đã cho ra một loại nhãn hiệu nước mắm đạt chuẩn kiểm nghiệm. Phòng hóa nghiệm của Liên Thành còn giúp cho nhiều hàm hộ trong hiệp hội kiểm tra nồng độ đạm để đưa sản phẩm ra thị trường.

Sự kiện này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong tiến trình hiện đại hóa ngành nước mắm khi ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quy trình sản xuất. Khoa học kỹ thuật được ứng dụng trong sản xuất khiến chất lượng hàng hóa được đảm bảo, từ đó giúp bảo chứng cho nước mắm thật chống lại hàng giả trên thị trường. Từ thành công này, từ năm 1926, Liên Thành mạnh dạn kêu gọi thành lập *Đông Pháp*

hàm nghiệp tương tế hội tung ra nhãn nước mắm “chữ thập đỏ” bảo chứng về mặt kỹ thuật cho các hàm hộ tham gia Hội. Không chỉ có Liên Thành, nhiều hãng nước mắm khác cũng đi theo con đường này, nhờ vào khoa học kỹ thuật để giám chứng cho chất lượng và độ an toàn cho sản phẩm của mình. Năm 1931, hãng Huỳnh Hương của Trương Lễ Nghi ở Phan Thiết đã đưa nước mắm đến giám chứng ở Viện Pasteur Sài Gòn (20). Kết quả này được Trương Lễ Nghi công bố nhiều kì trên báo chí như một bằng chứng cho uy tín của hãng cũng như một hình thức quảng cáo hữu hiệu.

Bên cạnh Liên Thành, Huỳnh Hương, hãng Vạn Vân ở Hải Phòng cũng có nhiều thay đổi quan trọng để thích nghi với lối làm ăn mới. Con trai của Đoàn Đức Ban là Đoàn Đức Trình tiếp nối cơ nghiệp của gia đình đã có nhiều thay đổi trong kỹ nghệ làm nước mắm. Năm 1939, Vạn Vân đã có thể xuất khẩu sản phẩm nước mắm của mình sang Pháp. Trên một mẫu quảng cáo của hãng Vạn Vân trên bìa bản nhạc *Ánh trăng mùa thu* của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn (21) cho biết hãng có đại lý tại số 18-20 đường Michel le Comie, Paris nước Pháp (22). Để có thể có mặt trên thị trường Pháp, hãng Vạn Vân đã phải sử dụng kỹ thuật đóng chai thay thế cho các tín, vò nước mắm như truyền thống. Bước tiến này của hãng Vạn Vân là một sự đột phá, đi trước so với nhận thức của cộng đồng hàm hộ về việc chuyển đổi hình thức mẫu mã, bảo quản nước mắm. Chỉ cách đó vài năm, năm 1933, cộng đồng hàm hộ cũng như dư luận báo chí từ Bắc vào Nam đã kịch liệt phản đối dự án của Granval trong việc dùng chai thủy tinh đóng nút thay cho tín nước mắm truyền thống. Một bức thư ủng hộ việc dùng nút chai thủy tinh chứa nước mắm theo phương pháp Herméticos của Nguyễn Ngọc Hiến, chủ xưởng nước mắm ở Quảng Yên đã bị Tòa soạn *Hà thành ngọc báo* công

kích như một tiếng nói lạc lõng so với làn sóng phản đối mạnh mẽ lúc bấy giờ (23).

3.2. Thương hiệu và bảo vệ thương hiệu trong nghề nước mắm

Cùng với việc tạo lập cơ sở kinh doanh theo kiểu mới, vấn đề tạo một hình ảnh đại diện cho hãng buôn, công ty đã được các doanh nhân chú ý. Nếu trước đây việc buôn bán gắn liền với bảng hiệu truyền thống thì bây giờ, với sự du nhập của những sinh hoạt kinh tế mới, các nhãn hiệu biểu tượng cho công việc kinh doanh cũng dần xuất hiện.

Liên Thành là một trong những công ty, hãng buôn đi tiên phong trong việc tạo ra biểu tượng riêng công việc kinh doanh. Hình ảnh con voi đỏ được các doanh nhân sáng lập Liên Thành sử dụng làm biểu tượng của công ty từ năm 1906. Biểu tượng này đã gắn liền với quá trình tồn tại và phát triển hơn 100 năm qua của Liên Thành.

Không chỉ vậy, trong cuộc chiến chống hàng giả, để bảo vệ quyền lợi cho thương hiệu của nước mắm chính hiệu, được sự bảo trợ của Đông Pháp hàm nghiệp tương tế hội, Liên Thành và các hàm hộ đã tạo ra một nhãn hiệu nước mắm “Chữ thập đỏ” vào năm 1926. Nhãn này không chỉ có ý nghĩa phân biệt nước mắm thật - giả mà còn có ý nghĩa bảo chứng cho nước mắm đã được hóa nghiệm đạt chuẩn:

“Hội Đông Pháp hàm nghiệp tương tế sẽ lo lập ra một thứ nhãn bằng giấy quyết giữa có chữ thập đỏ, kêu là nhãn chữ Thập đỏ. Nhãn này là chung nhau và tuân theo

Ảnh 3: Quảng cáo nước mắm dán nhãn chữ thập đỏ của Đông Pháp hàm nghiệp tương tế hội trên tờ L'Echo Annamite ngày 10-4-1926



thể lệ Nghị định ngày 24-11-1924, tục kêu là bảng bảo hiểm, để giao cho các cổ đông dán vào tĩn nước mắm của mình. Nhãn này có lập sổ biên số hiệu rõ ràng, và mỗi kỳ ai dùng bao nhiêu thì lãnh bấy nhiêu, không đăng lãnh dư quá số, hay là đăng để cho người ngoài hội dùng...

Người ngoài hội dùng nhãn chữ thập của hội thì bị buộc về tội mạo danh hiệu, và người cổ đông đồng mưu thì cũng đồng tội; vì nhãn này có cầu chứng tại tòa Thương mại Sài Gòn” (24).

Vạn Vân cũng là một hiệu buôn nhạy bén với công cuộc kinh doanh hiện đại. Đoàn Đức Ban đã tạo nên những nhãn hiệu riêng cho các dòng sản phẩm của mình như nước mắm hiệu con rồng, con hổ và cờ vàng. Công ty của Đoàn Đức Ban còn sáng tạo trong quảng cáo nước mắm khi tổ chức một cuộc thi đối câu, một hình thức khá

Ảnh 2: Nhãn hiệu con voi đỏ của Liên Thành từ ngày đầu thành lập được in lại trên bao bì sản phẩm ngày nay



quen thuộc với xã hội vừa mới thoát thai khỏi giáo dục Nho học:

Vế đối: Mắm đen Hàng Bạc, mắm trắng Hàng Nâu, đời đen bạc biết đâu hắc bạch?

Vế đáp đoạt giải: Lúa vàng Lĩnh Thanh, lúa xanh tỉnh Nghệ, dân vàng xanh vì lệ hoàng thanh (25).

Việc áp dụng luật thương mại của Pháp ở Việt Nam cũng dẫn đến những tranh chấp mới trong vấn đề bảo vệ thương hiệu. Vào tháng 6-1939, nhiều tờ báo như *Công luận*, *Tràng An* đồng loạt đưa tin về vụ án tranh chấp bản quyền nhãn hiệu “Con cá” trong nghề nước mắm ở Phan Thiết. Theo tường trình của tờ *Công luận* ngày 23-6-1939, gia đình Trương Lễ Nghi đã 2 đời làm nghề nước mắm. Trương Lễ Nghi đăng kí nhãn hiệu độc quyền “con cá đỏ” tại Phan Thiết ngày 13-9-1930 và tại Sài Gòn ngày 14-8-1936. Trương Lễ Nghi kiện Phan Văn Nở sử dụng biểu tượng này để phục vụ việc kinh doanh. Còn theo Phan Văn Nở, cá là nguyên liệu chính sản xuất nước mắm do đó không phải chỉ mình Nở và phần lớn hàm hộ đều sử dụng biểu tượng cá làm nhãn hiệu. Phan Văn Nở đã dùng nhãn cá hơn 10 năm. Quan Tuần phủ Bình Thuận hỏi Phan Văn Nở vì sao đã dùng 10 năm mà không đăng kí nhãn hiệu thì Phan Văn Nở cho rằng do điều luật của triều đình Huế không có việc này. Đồng thời do biểu tượng cá trên hai hiệu nước mắm của Phan Văn Nở là Nguyên Hương còn của Trương Lễ Nghi là Huỳnh Hương nên Tuần phủ bác đơn kiện của Trương Lễ Nghi (26).

Qua các sự việc nói trên có thể thấy việc tạo lập, quảng bá và bảo vệ thương hiệu của giới doanh nhân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX đã có nhiều chuyển biến. Dù còn khá mới mẻ, chưa phổ biến trong số đông nhất là việc bảo chứng thương hiệu nhưng nó vẫn cho thấy khả năng bắt kịp các khuynh hướng kinh doanh hiện đại của giới doanh nhân bản xứ.

3.3. *Cạnh tranh và liên kết kinh tế của nghề nước mắm trên thương trường*

Bên cạnh các hoạt động cạnh tranh kinh tế, chống độc quyền, các doanh nhân tại Việt Nam còn phải đối mặt với vấn nạn hàng giả. Một trong những ngành nghề phải đối mặt với nạn hàng giả cao, gây sự chú ý trong đời sống xã hội lúc bấy giờ là nước mắm. Nước mắm là món ăn truyền thống, mang tính bản địa của các cư dân Đông Nam Á, trong đó có người Việt. Trước đây, nước mắm được sản xuất theo phương thức thủ công, quy mô nhỏ, trong phạm vi gia đình. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XX, khi phương thức tư bản được du nhập, ngành nước mắm cũng bắt đầu hiện đại hóa, đi theo con đường sản xuất lớn, mở rộng thị trường với nhiều doanh nghiệp nước mắm của người Việt ra đời. Vì là một ngành nghề truyền thống của người Việt lại có thị trường khá rộng lớn, nước mắm nhanh chóng thu hút sự chú ý của các nhóm kinh tế khác, kể cả người Hoa và người Pháp. Nhưng trong quá trình phát triển của ngành nước mắm, lại xuất hiện hiện tượng làm giả nước mắm để thu lợi, gây hại đến các doanh nghiệp nước mắm chân chính (27).

Từ năm 1918, Công ty Liên Thành đã phải đối mặt với nạn làm giả nước mắm từ người Hoa ở Sài Gòn, Chợ Lớn. Để đối phó với nạn nước mắm giả, Công ty Liên Thành đã cùng với hàm hộ lập các bản hợp đồng trong ngày 18-7-1919, nội dung chủ yếu của bản hợp đồng là:

1. Những nghiệp hộ nước mắm sẽ giao nước mắm cho Công ty Liên Thành để thay mặt kinh doanh trong thời hạn 10 năm.

2. Những nghiệp hộ sẽ trả cho Liên Thành 5% theo số bạc đại lý.

3. Nếu vi phạm hợp đồng thì nghiệp hộ phải chịu tiền đại lý 3% tính theo kỳ hạn dư lại kể từ ngày hủy hợp đồng.

4. Liên Thành sẽ có trách nhiệm về các phí tổn trong quá trình thu mua, buôn bán

cũng như việc kiện tụng, đấu tranh với hàng giả (28).

Sự liên kết này đã khiến cho Hoa thương lo sợ, liên kết tẩy chay, không nhận làm đại lý nước mắm của công ty Liên Thành. Điều này khiến cho hoạt động của Liên Thành khó khăn, phải kêu gọi huy động vốn trên báo chí. Cuộc chiến chống nước mắm giả của Liên Thành nói riêng cũng như nghề nước mắm nói chung vẫn tiếp tục dai dẳng trong thời kì thuộc địa.

Tuy nhiên, việc liên kết kinh tế ở người Việt gặp phải rất nhiều khó khăn. Là một dân tộc bị mất nước, quyền lợi chính trị đã không còn, lại bị chèn ép về mặt kinh tế bởi các nhóm doanh nghiệp nước ngoài, sự cạnh tranh kinh tế của người Việt không chỉ đơn thuần vì lợi ích kinh tế mà còn chất chứa tâm tư của những người vong quốc bị chèn ép trên chính quê hương xứ sở của mình. Nhưng khi đặt trong mối quan hệ cạnh tranh với các cộng đồng kinh tế khác, chúng ta dễ dàng nhận thấy những điểm yếu trong sinh hoạt kinh tế của người Việt. Trong khi thế lực kinh tế Pháp có vốn tài chính lớn, được sự bảo vệ của chính quyền thuộc địa, người Hoa thì có sự cố kết mạnh mẽ, có hội đoàn kinh tế tổ chức bài bản thì tính liên kết của người Việt trong kinh tế rất rời rạc. Người Việt khó có thể liên kết với nhau thành những đoàn thể kinh tế mạnh, hỗ trợ nhau làm ăn như các đoàn thể, thương hội của người Hoa. Sự manh mún trong cách tổ chức và tính ham lợi nhỏ đã khiến cho đoàn thể kinh tế của người Việt hoạt động kém như Hội Đông Pháp hàm nghiệp tương tế của Liên Thành chỉ duy trì được 3 năm thì giải thể do các Hoa thương ở chợ Cầu Ông Lãnh dùng giá cao hơn thu mua nước mắm của hội viên của Đông Pháp hàm nghiệp tương tế hội. Một số hội viên vì mê lợi nhỏ đã bị cám dỗ, phá vỡ quy định của Hội (29). Còn ở Phú Quốc, dù là nơi nổi tiếng về nước mắm ngon cũng phải đến năm 1939 mới

xuất hiện nghiệp đoàn nước mắm đầu tiên với tên gọi “Nghiệp đoàn nước mắm của người bản xứ” (30).

Trước món lợi từ thị trường nước mắm rộng lớn, vấn nạn nước mắm giả trở thành một hiện tượng phổ biến, đe dọa đến các cơ sở kinh doanh chân chính. Báo *Phụ nữ tân văn* ngày 8-9-1931 đưa tin về việc bắt giữ 730 tấn nước mắm giả ở cửa hàng nước mắm Nguyễn Thị Yên đường Quai de la Marne, gần trụ sở của Công ty Liên Thành. Nguyễn Thị Yên còn làm giả cả con dấu của Viện Pasteur (31). Tình trạng nước mắm giả cũng nở rộ tại Bắc Kỳ. Trong tờ báo cáo ngày 28-02-1931, Peirier, giám đốc Sở Vệ sinh và trừng gian đã cho biết trong năm 1930 có tới 75% nước mắm bị “phá phách”. Chánh Sở Vệ sinh Hà Nội cũng thừa nhận rằng nước mắm là vật bị làm giả nhiều nhất, nhiều nhà bán lẻ thường pha nước mắm bằng nước hồ, nước ao, nước sông Hồng (32). Năm 1932, Tòa án Sài Gòn đã xét xử vụ M. Fauquenot bán nguyên liệu để người Hoa chế tạo nước mắm giả mức án 3 tháng tù treo và phạt 2.000 đồng. Bản án xoay quanh việc Fauquenot có bán cho người Hoa ở Chợ Lớn một thứ cá mận băm nhuyễn. Sau khi người Hoa mua về dùng nước nóng đổ vào rồi lọc cặn đem bỏ sẽ ra được thứ nước màu vàng và mặn như nước mắm. Nhưng thứ nước ấy đem đi hóa nghiệm thì không đủ thành phần và đáp ứng tiêu chuẩn nước mắm quy định. Vụ việc bị phát hiện, Fauquenot và đường dây chế tạo nước mắm giả bị phanh phui, đem ra xét xử (33).

Cũng từ lý do chống nước mắm giả này, một số nhóm lợi ích mong muốn nắm độc quyền ngành nước mắm ở Đông Dương. Trong đó nổi tiếng nhất là vụ chai thủy tinh thay thế tín nước mắm truyền thống do Granval đề xuất. Granval là một thương gia người Pháp, chiếm hầu hết thị trường nước mắm ở Bắc Kỳ, nay lại muốn mở rộng ra toàn Đông Dương. Granval thảo một bản

thỏa thuận với các hàm hộ nên dùng chai thủy tinh của Công ty làm chai lọ Đông Dương (Société Francaise des Verreries d'Indochine) và Công ty vô bình và chai Hermélicos (Société du Bouchage Hermélicos) của Granval để thay thế tin nước mắm truyền thống. Theo đề nghị của Granval, tất cả nước mắm sẽ dùng chai thủy tinh đóng theo cách "Hermélicos" của Granval để đựng nước mắm. Sau đó, tất cả nước mắm sẽ được vận chuyển về một "sở trung ương" để thu nhận, phân tích, kiểm soát, đóng chai, đậy nút theo cách "Hermélicos", đóng dấu và bảo quản nước mắm. Nước mắm đúng quy trình "Hermélicos", sẽ được Granval cấp trước mỗi lít 6 xu, hạn trọng 30 ngày sẽ trả. Bản thỏa thuận sẽ có giá trị trong vòng 15 năm (34). Không dừng lại ở mức độ kế hoạch kinh doanh của hãng mình, Granval còn mạnh tay, vận động chính quyền Đông Dương ban hành một quy định chính thức về việc dùng chai thủy tinh thay tin nước mắm trong toàn bộ ngành nước mắm Đông Dương. Một kế hoạch tiến tới độc quyền nước mắm như đối với rượu và muối. Trong một bản phúc trình, Bộ Trưởng Bộ Thuộc địa lên Tổng thống Pháp đã kiến nghị việc cho phép Toàn quyền Đông Dương ra những nghị định thi hành việc kiểm soát sản xuất nước mắm như sau:

"Sự giả mạo làm ngưng sự phát đạt của nghề nước mắm, lại làm nguy đến sức khỏe công chúng như là làm thiếu chất bổ trong vật thực của đám bình dân và có thể truyền nhiễm nhiều bệnh ở trong nước bản dùng để pha vào nước mắm.

Vậy tưởng lúc này cần phải cho phép quan Toàn quyền Đông Dương được ra những đạo nghị định thi hành những phương pháp kiểm soát cần thiết là những phương pháp mà chính những người chế tạo nước mắm trong những phòng hóa nghiệm của chính phủ, khi đem nước mắm vào những đồ chứa thì phải có chính phủ

kiểm soát và phải theo những khoản đảm bảo rằng nước mắm đựng như vậy là còn nguyên chất và không thể trộn chất khác vào được" (35).

Sự cấu kết giữa chính quyền và doanh nghiệp Pháp đã khuấy lên sự phản ứng mạnh mẽ của cộng đồng người Việt trên diễn đàn báo chí, nghị trường. Ngày 29-8-1933, Đoàn Bảo trợ quyền lợi của người An Nam tiêu thụ và sản xuất nước mắm đã ra đời. Ban Trị sự gồm có Lương Y Thi (Chủ tịch Hội nước mắm Phan Thiết), Lê Trung Nghĩa (nhà báo), Trúc Viên (nhà sản xuất nước mắm và chủ nhiệm Báo *Cùng bạn*), Triệu Trường Thế (Báo *Đuốc nhà Nam*), Nguyễn Thế Phương (Báo *Công luận*) và 3 vị đại biểu của Công ty Liên Thành làm cố vấn. Hội đưa ra hai phương châm không chịu "tăng thuế nước mắm và bắt buộc đựng nước mắm vào chai của hãng làm chai bán cho" (36). Trước sự đấu tranh của các hội đoàn, báo chí người Việt, trong phiên họp Đại Hội đồng Lý - Tài Đông Dương ngày 23-11-1933 đã không thông qua việc kiểm soát nước mắm, kế hoạch của Granval coi như phá sản. Chiến thắng này không chỉ phản ánh khả năng đấu tranh kinh tế, chống chèn ép của giới doanh nghiệp ngoại kiều mà còn cho thấy khả năng liên kết của doanh nghiệp Việt nếu đoàn kết, bỏ qua lợi ích nhỏ. Từ sự tan rã của Đông Pháp hàm nghiệp tương tế hội năm 1926 đến thắng lợi trong vụ đấu tranh chống kế hoạch của Granval đã cho thấy bước tiến nhất định trong tương trợ kinh tế của các doanh nghiệp nước mắm nói riêng và cộng đồng kinh tế người Việt nói chung ở thời thuộc địa.

4. Lời kết

Như vậy có thể thấy, trước sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản, nghề nước mắm ở Việt Nam thời thuộc địa đã từng bước đi theo con đường hiện đại hóa. Quá trình này diễn ra trên nhiều phương diện như kỹ nghệ sản xuất, bản quyền

thương hiệu, cạnh tranh và liên kết kinh tế. Trong không gian công cộng chật hẹp của thời thuộc địa, họ đã tận dụng hết khả năng của báo chí và chế độ nghị trường để đấu tranh chống những âm mưu, hành động cạnh tranh bất chính, chèn ép tiến tới độc quyền của doanh nghiệp ngoại kiều.

Có thể thấy, do kinh doanh một loại thực phẩm mang tính truyền thống của người Việt nên những cuộc đấu tranh bảo vệ ngành nước mắm trước doanh nghiệp ngoại kiều đã thu hút sự chú ý từ dư luận. Không ít lần chủ nghĩa dân tộc ẩn hiện trong các lời kêu gọi đấu tranh về kinh tế, bảo vệ ngành nghề truyền thống của người

Việt trên các diễn đàn báo chí, nghị trường trong nửa đầu thế kỷ XX. Đây cũng là một đặc trưng trong quá trình hiện đại hóa của nghề nước mắm thời thuộc địa. Qua đó, tính đoàn thể trong kinh doanh nghề nước mắm dù trải qua nhiều khó khăn, có cả thất bại nhưng cũng từng bước được cải thiện, thông qua các hoạt động chống hàng giả, chống nạn độc quyền. Đóng góp vào diễn tiến này, các doanh nghiệp tiên phong trong nghề nước mắm như Liên Thành, Vạn Vân, Huỳnh Hương,... có vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hóa kỹ nghệ nước mắm giữa muôn vàn khó khăn của thương trường thời thuộc địa.

CHÚ THÍCH

(1). Pierre Gourou, *Người nông dân châu thổ Bắc kỳ*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2015, tr.519 -520.

(2). Chương Thâu, “*Văn minh Tân học sách*”, *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 19, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr.369 và 378.

(3). Daniel Leplat, “*The Chinese, the Indians and the French Exchange control during the French Indochinese war or how to endure, fight and mock the Colonial Power (1945-1954)*”, *Essays on colonial domination and Asian agency*, Amsterdam University Press, 2009, p.121-122.

(4). Hongkong Daily Press, *The Directory & Chronicle for China, Japan, Corea, Indochina, Straits Settlements, Malay states, Siam, Netherlands India. Borneo, The Philippines, for the year 1912*. The Hongkong Daily Press Office, 1912, p.136 - 137.

(5). Công ty Ban Guan & Co của Tạ Mã Điền có các đại lý chi nhánh như sau: Bau Hong Guan &Co, Ltd. (Rice Mill), Man On Insurance Coy. Ltd, of H'kong, Po On Insurance Coy. Ltd, of H'kong, Fok Insurance Coy. Ltd, of H'kong, Yuen Insurance Coy. Ltd, of H'kong. Theo *The Directory & Chronicle for China, Japan, Corea, Indochina, Straits Settlements, Malay states, Siam, Netherlands India, Borneo, The Philippines, &C*

for the year 1912, The Hongkong Daily Press Office, p.1282.

(6). Hongkong Daily Press (1912), *The Directory & Chronicle for China, Japan, Corea, Indochina, Straits Settlements, Malay states, Siam, Netherlands India. Borneo, The Philippines, &c for the year 1912*. The Hongkong Daily Press Office, p.1282; Nguyễn Đức Hiệp, *Lịch sử doanh nghiệp và công nghiệp ở Sài Gòn và Nam kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2018, tr.277 - 278.

(7). Lương Khắc Ninh, “*Thương cổ luận*”, *Nông cổ mìn đàm*, số 1, năm 1901, tr.2.

(8). Phan Châu Trinh, “*Tỉnh quốc hồn ca 1*”, *Phan Châu Trinh toàn tập, tập 1*, Nxb. Đà Nẵng, 2005, tr.351.

(9). Bia năm 1859 ở Tuệ Thành hội quán là bia sớm nhất nhắc tên các công ty người Hoa ở Chợ Lớn. Xem thêm Li Tana - Nguyễn Cẩm Thúy chủ biên, *Bia chữ Hán trong Hội quán người Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1999, tr.14.

(10). Chương Thâu, *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 19, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr.507.

- (11), (19), (29). Hồ Tá Khanh, *Thông sử Công ty Liên Thành*, Imprimerie Funam a Genevilliers, Paris, 1984, tr.35, 57, 61.
- (12). Direction des Services économiques *Bulletin économique de L'Indochine*, 1943 (46^e Année), fascicule IV, Imprimerie d'Extrême-Orient, Ha Noi, 1943, p.579.
- (13). Báo *Tia Sáng*, Số 1331, ngày 15-8-1952, tr.1.
- (14). Trần Thanh Hương, *Tư sản Việt Nam ở Bắc Kỳ trong ba thập niên đầu thế kỷ XX*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, tr.73.
- (15). Quá trình chuyển giao thể hệ lãnh đạo của Liên Thành là một minh chứng cho khuynh hướng này. Nếu thể hệ thứ nhất là những chí sĩ từng tham gia vào phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX (Nguyễn Trọng Lợi, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi,...) thì thể hệ quản trị thứ hai là những trí thức Tây học như Hồ Tá Khanh, Nguyễn Minh Duệ.
- Trình Van Thao (2009), "Liên Thành (1906-1975) naissance et transfiguration d'une entreprise moderniste. Essai de sociologie historique", *Vietnam Le moment moderniste*, Presses universitaires de Provence, link: <https://books.openedition.org/pup/6657text>.
- (16). J. Guillerm, *L'Industrie du Nuoc-mam en Indochine*, Imprimrie Nouvelle Albert Portail, Saigon, 1931, p.20.
- (17), (18). M. E. Rosé, "Recheches sur la fabrication et la composition chimique du Nuoc-Mam", *Bulletin économique de L'Indochine*, No.129, Imprimerie D'Extrême - Orient, 1918, p.156, 157-160.
- (20). *Công luận báo*, số 6235, ngày 28-4-1933, tr.4.
- (21). Em trai của Đoàn Đức Trình.
- (22). Kiến Nghĩa (13-10-2015), "Thương hiệu Vạn Vân vang bóng một thời", *Tiền phong online*, tienphong.vn, truy cập ngày 28-4-2021.
- (23). *Hà thành ngộ báo*, số 1767, ngày 25-7-1933, tr.1.
- (24). Đông Pháp hàm nghiệp tương tế hội (1926), *Quy tắc Đại hội ngày 12-01-1926 đã duyệt y*, Imprimerie J. Nguyễn Văn Viết, tr.5.
- (25). Báo *Duy Tân*, số 19, 01-11-1931, tr.6.
- (26). *Công luận báo*, số 8030, ngày 23-6-1939, tr.1-2.
- (27). Chính quyền thuộc địa Pháp cũng dành sự quan tâm nhất định đến mặt hàng thiết yếu này của người bản xứ. Các cơ quan khoa học của nước Pháp như Viện Pasteur và Viện Hải dương học đã công bố nhiều chuyên luận về nước mắm và thành phần hóa học của nước mắm. Dựa trên các kết quả nghiên cứu này, chính quyền thuộc địa từ Liên bang đến cấp ki đã ban hành nhiều văn bản quản lý, định nghĩa nước mắm dựa trên phương pháp ủ cá bằng muối truyền thống và nồng độ đậm trong nước mắm. Xem thêm L'Administration locale de la Cochinchine (1933), *Bulletin administratif de la Cochinchine*, No.27 (1933), p.1573.
- (28). *Lục tỉnh tân văn*, số 670, ngày 10-9-1919, tr.4.
- (30). Nguyệt Trang, Thùy Dương, "Nghiep đoàn nước mắm Phú Quốc năm 1939", Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, năm 1996, số 288, 1996, tr.72-74.
- (31). Nguyễn Đức Hiệp, *Lịch sử doanh nghiệp và công nghiệp ở Sài Gòn và Nam Kỳ từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1945*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2018, tr.220.
- (32). Minh Dân, "Dân làm nghề trông vào cái nghị lực của các ông đại biểu", *Hà thành ngộ báo*, số 1853, ngày 05-11-1933, tr.1.
- (33). *Hà thành ngộ báo*, số 1393, ngày 9-4-1932, tr.1.
- (34). Đức Phong, "Một cách để chiếm độc quyền nước mắm", *Hà thành ngộ báo*, số 1736, ngày 16-6-1933, tr.1.
- Granval có những thư từ trao đổi, "trần tình" được đăng trên *Hà thành ngộ báo*, có thể xem thêm *Hà thành ngộ báo* các số ngày 26-8, 27-8, 30-8 và 6-9-1933.
- (35). "Vài sự kiện quan trọng về vấn đề nước mắm", *Hà thành ngộ báo*, số 1775, ngày 03-8-1933, tr.1-2.
- (36). "Đoàn bảo trợ quyền lợi của người Annam tiêu thụ và xuất sản nước mắm", *Hà thành ngộ báo*, số 1853, ngày 5-11-1933, tr.1-2.